

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
10959	201	Nguyễn Thị Loan		01/01/35	7/9 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10960	202	Nguyễn Thị Lụa		01/01/40	202/27/12 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10961	203	Nguyễn Thị Lược		05/11/38	111/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10962	204	Nguyễn Thị Luyến		01/01/40	107/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10963	205	Nguyễn Thị Mạnh		01/01/35	13/1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10964	206	Nguyễn Thị Mát		01/01/34	80/5, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10965	207	Nguyễn Thị Mến		10/16/39	31/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10966	208	Nguyễn Thị Mua		01/01/18	126/10 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10967	209	Nguyễn Thị Mùn		01/01/27	tổ 1, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10968	210	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/33	67/5B Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10969	211	Nguyễn Thị Mỹ		03/02/35	103 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10970	212	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/30	107/4 KP11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10971	213	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/35	KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10972	214	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/25	53/2 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10973	215	Nguyễn Thị Nghi		01/01/37	1A/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10974	216	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/37	86/1 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10975	217	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/28	38/16, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10976	218	Nguyễn Thị Nguyễn		07/03/35	Tổ 1, Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10977	219	Nguyễn Thị Nhí		01/01/32	37/5 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10978	220	Nguyễn Thị Nhí		03/08/39	110/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10979	221	Nguyễn Thị Nhón		01/01/27	kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10980	222	Nguyễn Thị Nhuận		01/01/37	25/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10981	223	Nguyễn Thị Nhung		01/01/38	60/8 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10982	224	Nguyễn Thị Nhung		01/01/36	29/1, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10983	225	Nguyễn Thị Nhung		03/15/39	105/1 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10984	226	Nguyễn Thị Phím		01/01/37	13/15 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10985	227	Nguyễn Thị Phú		01/01/39	41/3 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10986	228	Nguyễn Thị Phúc		01/01/35	6/1 tổ 1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10987	229	Nguyễn Thị Phụng		01/01/27	tổ 10, kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10988	230	Nguyễn Thị Râu		01/01/33	21/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10989	231	Nguyễn Thị Rư		01/01/32	150/2 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10990	232	Nguyễn Thị Sáu		01/01/37	106/2, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10991	233	Nguyễn Thị Sợi		01/01/40	51/5 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
10992	234	Nguyễn Thị Tách		01/01/37	270412043	40/11 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10993	235	Nguyễn Thị Tấn		01/01/23		86B/2, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10994	236	Nguyễn Thị Tấn		01/01/31		10/10, kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10995	237	Nguyễn Thị Tập		01/01/39	272649264	143/6 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10996	238	Nguyễn Thị Thái		05/13/35	270396375	76/10, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10997	239	Nguyễn Thị Thắm		10/30/35	270412562	25/15, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10998	240	Nguyễn Thị Thắm		01/01/36	270395095	101/2 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10999	241	Nguyễn Thị Thằng		01/01/27		62/4 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11000	242	Nguyễn Thị Thấp		01/01/23	270129262	20/4 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11001	243	Nguyễn Thị Thiệu		01/01/22	270069770	53A/4, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11002	244	Nguyễn Thị Tho		01/01/30		106/1, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11003	245	Nguyễn Thị Thàng		01/01/36	270379485	9/2, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11004	246	Nguyễn Thị Thời		01/01/40	270394113	88/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11005	247	Nguyễn Thị Thư		04/08/37	270393785	63/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11006	248	Nguyễn Thị Thúy		01/01/37	270396094	116/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11007	249	Nguyễn Thị Tiếng		01/01/37	272845813	76/6 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11008	250	Nguyễn Thị Tim		07/12/38	270397591	10A/3 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11009	251	Nguyễn Thị Tinh		01/01/36	270397244	14/8, KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11010	252	Nguyễn Thị Tinh		01/01/31		34/1 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11011	253	Nguyễn Thị Tinh		01/01/30	270430601		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11012	254	Nguyễn Thị Tinh		01/01/37	270396648	105/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11013	255	Nguyễn Thị Tọa		01/30/39	270396605	104/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11014	256	Nguyễn Thị Tư		01/01/32	270685593	100/1 Kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11015	257	Nguyễn Thị Từ		01/01/35		20/6B kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11016	258	Nguyễn Thị Tung		02/07/38	271557980	64/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11017	259	Nguyễn Thị Viên		01/01/40		4/6 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11018	260	Nguyễn Thị Viên		01/01/40		42/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11019	261	Nguyễn Thị Vòng		01/01/31	270412518	14/14, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11020	262	Nguyễn Thị Vui		01/01/37	270394125	28/3 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11021	263	Nguyễn Thị Xuân		01/01/28	270898602	121A/4 Kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11022	264	Nguyễn Thị Xứng		01/01/36	270377311	14/5, Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11023	265	Nguyễn Thị Xứng		01/01/37	270395043	2/7 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11024	266	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/30	270404877	T44/1, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11025	267	Nguyễn Văn Bái		01/01/37	tổ 1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11026	268	Nguyễn Văn Bao	01/01/36		105/6 tổ 11 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11027	269	Nguyễn Văn Cảnh	11/25/35		71/4, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11028	270	Nguyễn Văn Chính	01/01/39		68/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11029	271	Nguyễn Văn Cơi		11/23/34	15/7 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11030	272	Nguyễn Văn Đại		01/01/37	53/3 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11031	273	Nguyễn Văn Giang	01/01/36		48/1, Kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11032	274	Nguyễn Văn Hào	01/01/31		90/3, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11033	275	Nguyễn Văn Hợi	07/05/37		70/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11034	276	Nguyễn Văn Hùng	01/01/35		24/16 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11035	277	Nguyễn Văn Hường	01/01/36		136/6, tổ 30, kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11036	278	Nguyễn Văn Huy	01/01/20		6/1 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11037	279	Nguyễn Văn Kinh	01/01/31		tổ 34 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11038	280	Nguyễn Văn Lịch	01/01/35		2/2 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11039	281	Nguyễn Văn Lý	01/01/30		59/4, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11040	282	Nguyễn Văn Mạnh	02/15/36		59/2, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11041	283	Nguyễn Văn Ngà	01/01/34		47/8, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11042	284	Nguyễn Văn Nghệ		01/01/37	tổ 32 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11043	285	Nguyễn Văn Oanh	01/01/32		98/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11044	286	Nguyễn Văn Rong	01/01/35		38/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11045	287	Nguyễn Văn Ruynh		01/01/30	kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11046	288	Nguyễn Văn Thành	01/01/27		270412139	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11047	289	Nguyễn Văn Thu	01/01/24		104/2 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11048	290	Nguyễn Văn Tín	01/01/38		35/5 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11049	291	Nguyễn Văn Vũ	01/01/38		66C/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11050	292	Nguyễn Văn Yên	01/01/32		53/3 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11051	293	Phạm Bá Dự	01/01/36		270379937	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11052	294	Phạm Cao Khanh	01/01/36		15/2, kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11053	295	Phạm Quang Đăng	10/26/35		61/4, Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11054	296	Phạm Quang Sức	01/01/40		69/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11055	297	Phạm Sơn	01/01/30		tổ 5, kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11056	298	Phạm Thị Bầm		01/01/37	34/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11057	Phạm Thị Cẩm		01/01/33		58/1 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11058	Phạm Thị Giáp		01/01/33		98/7, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11059	Phạm Thị Huệ		01/01/28		tổ 10, kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11060	Phạm Thị Huệ		01/01/23	270127686	111/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11061	Phạm Thị Khản		01/01/37		126/1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11062	Phạm Thị Khi		01/01/39	270395326	68/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11063	Phạm Thị Kim Loan		10/10/36	270377425	54/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11064	Phạm Thị Lược		01/01/37	270395746	53/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11065	Phạm Thị Năm		01/01/34		40/10 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11066	Phạm Thị Ngao		01/01/37	270397969	37/11 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11067	Phạm Thị Nguyễn		01/01/35		tổ 3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11068	Phạm Thị Sen		04/14/40		61/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11069	Phạm Thị Tâm		02/01/39	270396796	106/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11070	Phạm Thị Thu		01/01/37	270385527	346/92 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11071	Phạm Thị Thuận		02/13/37		69/3, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11072	Phạm Thị Thúy		01/01/37	270397445	10/7 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11073	Phạm Thị Tôn		01/01/38	270397028	67/5 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11074	Phạm Văn Chi	10/04/36			88/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11075	Phạm Văn Chúc	01/01/37			39/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11076	Phạm Văn Đào	01/01/28			29/5, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11077	Phạm Văn Kiên	01/01/34			134E/4, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11078	Phạm Văn Oai	01/01/40			42/1 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11079	Phạm Văn Tinh	01/01/30		270233366	4/3, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11080	Phạm Thị Hy		03/06/33		47/10/32 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11081	Phạm Thị Nghi		01/01/28	272193937	tổ 2, kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11082	Phạm Thị Nội		01/01/35	272583836	2/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11083	Phạm Thị Thiệu		02/19/34	270396202	95/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11084	Phùng Thị Thịnh		01/01/40	270394644	15/2 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11085	Quách Thị Đào		01/01/33		30/3 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11086	Quách Thị Xuyên		01/01/33	270048478	6/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11087	Tăng Hồng Khánh	01/01/35		270397932	90/10/40 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11088	Trần Bi	01/01/36			63/7 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11089	Trần Công Khải	01/01/37		272037284	4/7 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11090	Trần Công Tuấn	01/01/32			tổ 1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11091	Trần Đệ	05/10/37		270138157	99A/3, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11092	Trần Đình Kiểm	01/01/28			36/5, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11093	Trần Luật	04/02/22		270379413	21/2 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11094	Trần Ngọc Thanh	06/10/37		270392312	73/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11095	Trần Như Hành	06/10/34		270010706	KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11096	Trần Thị Cối		01/01/27	270086022	59A/5, kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11097	Trần Thị Doãn		01/01/36		51/1, Kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11098	Trần Thị Hệ		01/01/39	272582014	tổ 1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11099	Trần Thị Hột		01/01/32		Tổ 33 Kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11100	Trần Thị Lan		01/01/40	271282858	97/3B kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11101	Trần Thị Mão		01/01/38	270379438	28/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11102	Trần Thị Nhài		01/01/35	270377850	28/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11103	Trần Thị Nhậm		01/01/30	270772320	71/1, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11104	Trần Thị Nhuận		01/01/32	272189943	123/10 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11105	Trần Thị Phú		01/01/38	270447440	120/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11106	Trần Thị Rự		01/01/29		84/2, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11107	Trần Thị Sen		01/01/23	270162701	10/4B KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11108	Trần Thị Sen		01/01/30		kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11109	Trần Thị Tám		01/01/37	270486794	28/5F kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11110	Trần Thị Tân		10/13/38	272433020	61A/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11111	Trần Thị Thiệu		01/01/38	270396037	61/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11112	Trần Thị Thịnh		10/03/33		71/2, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11113	Trần Thị Tuyết		01/01/35	270394948	14/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11114	Trần Thị Vân		11/26/39	270119307	105C/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11115	Trần Thị Yên		01/01/31	270057027	tổ 6, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11116	Trần Văn Cài				129/1, kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11117	Trần Văn Hiền	01/01/30			104/1, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11118	Trần Văn Khánh	08/20/35		270379868	88C/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11119	Trần Văn Lượng	01/01/38		272807605	101/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11120	Trần Văn Mạnh	01/01/30			98/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11121	Trần Văn Sự	01/01/37		270394363	123/1 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11122	Trần Văn Thành	01/01/38		270399702	98/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11123		01/01/37		270394363		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
11123	Trình Mai Tử	01/15/40		270405055	155 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11124	Trình Thị Ca		01/01/40	272993496	44/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11125	Trình Thị Chung		10/05/39	270396377	3/3 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11126	Trình Thị Hậu		01/01/35	270397173	38/8 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11127	Trình Thị Huệ		01/01/37	272444193	31/8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11128	Trình Thị Lỗi	01/01/35			32/1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11129	Trình Thị Mận		05/20/37	270394135	37/3, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11130	Trình Thị Miến		01/01/34	270397348	47/7 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11131	Trình Thị Mỹ		01/01/30	270412414	48/12 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11132	Trình Thị Sáu		03/15/35	270412105	5/11 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11133	Trình Thị Sinh		01/01/40	270396926	69/3 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11134	Trình Thị Thiệp		01/01/37	270397662	20/9 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11135	Trình Thị Thuận		01/01/33		12/6 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11136	Trình Toàn	01/01/35			43/13 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11137	Trình Xem	07/20/37			113/10 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11138	Trình Xuân Quảng	01/01/38		270995806	39A/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11139	Trương Quang Khai	01/01/37		272536875	56 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11140	Trương Thanh Hải	01/01/38		270092839	83/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11141	Vân Kim Chi		01/01/28	272237944	78/4, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11142	Vũ Đình Doanh	04/24/37			51/1 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11143	Vũ Duy Xang	01/01/29		270394339	25/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11144	Vũ Kiên	01/01/35		275396725	17/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11145	Vũ Quang Tuyên	01/01/35			120E/10 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11146	Vũ Quy	10/14/37			40/11 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11147	Vũ San	01/01/24			220 tổ 36 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11148	Vũ Thị Cây		01/01/37	272716493	tổ 9 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11149	Vũ Thị Hà		01/01/37	272119255	202/41/15 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11150	Vũ Thị Huệ		08/20/38	272804166	35/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11151	Vũ Thị Hương		10/08/36		14/1 Kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11152	Vũ Thị Luy		07/10/33	270334468	89/3, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11153	Vũ Thị Mai		01/01/36	270393625	24/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11154	Vũ Thị Miếu		01/01/37	270393484		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11155	Vũ Thị Ngoan		01/01/36	270396730	59/4, KP11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11156	398	Vũ Thị Ninh		01/01/37	33/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11157	399	Vũ Thị Phu		01/01/37	10/2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11158	400	Vũ Thị Sợi		04/14/37	108/10, KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11159	401	Vũ Thị Thêu		01/01/31	58/2 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11160	402	Vũ Thị Thơm		01/01/34	23/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11161	403	Vũ Thị Thôn		05/05/35	86/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11162	404	Vũ Thị Tuy		01/01/37	17/4 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11163	405	Vũ Thị Tý		01/01/36	17/9 tổ 38 kp4A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11164	406	Vũ Thị Xuân		01/01/17	78/5, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11165	407	Vũ Tôn	01/01/40		47/12 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11166	408	Vũ Văn Nghiệm	01/01/33		36/3 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11167	409	Vũ Văn Như	01/01/28		71, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11168	410	Vũ Văn Phát	01/01/32		23/2 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11169	411	Vũ Văn Vĩnh	01/01/27		kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11170	412	Vũ Viết Vừng	01/01/39		38/3 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11171	413	Vũ Xuân Bảo	01/01/40		tổ 1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11172	414	Bùi Hoàng Trung Hiếu	01/01/92		23A/5 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11173	415	Bùi Nguyễn Triệu	04/08/75		71B/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11174	416	Bùi Như Ngà	01/01/87		97/6 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11175	417	Bùi Thị Bích Ngọc		08/16/85	71B/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11176	418	Bùi Thị Bích Ngọc		01/01/73	63/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11177	419	Bùi Thị Diễm Trinh		10/22/95	134/2B kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11178	420	Bùi Thị Kim Ngọc		01/01/80	200/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11179	421	Bùi Thị Ngọc Trâm		08/09/89	200/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11180	422	Bùi Thị Phương Trinh		01/11/00	5/5 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11181	423	Bùi Thị Thanh Thùy		01/26/97	69A/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11182	424	Bùi Trúc Anh		01/01/02	92/2 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11183	425	Cao Đức Thông	01/02/74		62 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11184	426	Cao Thị Xuân Hương		01/28/63	50B/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11185	427	Châu Trường Sơn	01/01/83		kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11186	428	Chế Văn Thành	01/01/86		156/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11187	429	Chế Vũ Khanh	01/01/94		156/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11188	430	Đặng Minh Triền	12/15/77		32/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
11189	Đặng Thị Ánh Nguyệt		01/01/89		51/1, KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11190	Đào An Khang	10/25/00			Tổ 1 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11191	Đào Xuân Văn	01/01/68			69/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11192	Đinh Đức Vương	01/01/78			39A/3 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11193	Đinh Thế Khang	01/01/00			Tổ 31 KP4A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11194	Đinh Thị Bích Hợp		08/18/75	271152012	92A/5 tổ 20 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11195	Đinh Thị Ngọc Ánh		11/11/60	270586822	113/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11196	Đinh Tiến Dũng	01/01/03			76/4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11197	Đỗ Hoàng Đình	10/21/03			196/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11198	Đỗ Hữu Tuấn	01/01/62		145587896	39/1 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11199	Đỗ Thanh Bình	02/02/60		270411255	125/4 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11200	Đỗ Thị Danh Lam		01/01/94		57/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11201	Đỗ Thị Kim Loan		01/01/61		70/3 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11202	Dương Thúy Loan		09/08/91		30/4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11203	Hồ Thanh Tây	01/01/85		2700229948	109/4 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11204	Hoàng Thị Nga		01/01/75	272766435	60/B5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11205	Hoàng Thị Thủy Vân		08/21/77		23/5 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11206	Hoàng Thị Tố Quyên		01/01/81		99/2 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11207	Huỳnh Minh Phụng	08/16/71			29B/2 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11208	Lâm Nguyễn Long Tuyền	01/01/68			196/1, KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11209	Lâm Nguyễn Quân	04/25/69		270794231	23/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11210	Lê Cầu Nguyên	09/18/88		271959735	175/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11211	Lê Phong Vinh	03/30/01			92/6 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11212	Lê Thị Bạch Yến		01/01/81	271415006	175/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11213	Lê Thị Bích Huệ		09/16/97		22/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11214	Lê Thị Hoa		01/01/62		103C/2 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11215	Lê Thị Hồng Nhung		09/28/03		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11216	Lê Thị Hương		06/07/66	270898485	6A/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11217	Lê Thị Mai Phương		01/01/84		109A/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11218	Lê Thị Ngọc Hạnh		01/01/02		kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11219	Lê Thị Thanh Phương		01/01/88		55/6 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11220	Lương Thị Bích Hồng		04/30/89		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11221	463 Lương Thị Xuân	01/01/74			111/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11222	464 Lý Cẩm Ly		08/01/02		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11223	465 Mai Đình Thủy	01/01/86			63/3 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11224	466 Mai Thị Hồng Vân		07/16/76	271745410	102/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11225	467 Mai Thị Hương		01/01/81	271745655	50/81 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11226	468 Mai Thị Thu Nguyệt		05/04/64	270794276	212/1A kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11227	469 Mai Văn Chiến	01/01/69			80/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11228	470 Ngô Lệ Thanh Thủy		05/16/59		94M/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11229	471 Ngô Thị Hường		01/01/66		35/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11230	472 Ngô Thị Kim Phương		05/16/89		61 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11231	473 Ngô Trung Quốc	10/26/70		022637331	3/6 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11232	474 Nguyễn Cao Thắng	01/01/69		272271179	53/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11233	475 Nguyễn Chính Trung	01/01/61			72/1 Kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11234	476 Nguyễn Đình Chánh	10/06/03			165/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11235	477 Nguyễn Đình Hòa	09/29/59		270898704	39F/3 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11236	478 Nguyễn Đình Hoàn	03/15/86		271870802	167/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11237	479 Nguyễn Đức Thường	09/26/67		271439079	3/1 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11238	480 Nguyễn Duy Thức	01/01/72		272011830	58/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11239	481 Nguyễn Hoàng	05/11/71			32/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11240	482 Nguyễn Hoàng Hải	02/20/92		272455811	102/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11241	483 Nguyễn Hoàng Phát	01/01/89			69/6 Kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11242	484 Nguyễn Hoàng Tuấn	08/19/95		272563412	59/3 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11243	485 Nguyễn Hồng Phúc	01/01/81			51/3A KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11244	486 Nguyễn Hồng Phương Dung		01/01/01		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11245	487 Nguyễn Hùng Anh	11/01/66			35G/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11246	488 Nguyễn Hữu Hưng	03/23/65		270688540	109/3 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11247	489 Nguyễn Hữu Minh	10/31/68		270898899	66C/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11248	490 Nguyễn Hữu Thiên	01/01/96			12/9 tổ 38 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11249	491 Nguyễn Kim Hồng		08/20/72		68/5, KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11250	492 Nguyễn Mạnh Cường	01/01/64		270393776	70/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11251	493 Nguyễn Minh Khôi	08/16/03			35/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11252	494 Nguyễn Minh Nhật	01/01/75			118/5 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
11253	Nguyễn Minh Tú	05/05/01			26D/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11254	Nguyễn Ngọc Dũng	01/01/80		220290356	114/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11255	Nguyễn Ngọc Hoài Thương		12/20/87		62/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11256	Nguyễn Ngọc Hùng Vương	07/30/81		271415003	81B/4 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11257	Nguyễn Ngọc Lung	01/01/67			13/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11258	Nguyễn Ngọc Minh	01/01/61		271960510	68/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11259	Nguyễn Ngọc Phương	01/01/80			14Q/6 KP4A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11260	Nguyễn Ngọc Quế	01/01/70		025081780	kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11261	Nguyễn Ngọc Quốc	12/22/98			31A/9 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11262	Nguyễn Ngọc Quỳnh Tâm		12/30/97		47/10 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11263	Nguyễn Ngọc Sĩ		01/01/82		tổ 9, kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11264	Nguyễn Ngọc Văn	02/09/74			57/3 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11265	Nguyễn Ngọc Yến		05/13/82		4/2 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11266	Nguyễn Quang Hiếu	07/24/88		271960165	39/16 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11267	Nguyễn Quang Tú	01/01/00			14/C kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11268	Nguyễn Quang Tuấn	01/01/62			14/C kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11269	Nguyễn Quốc Ân	06/02/90		271959812	73/6 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11270	Nguyễn Quốc Bảo	01/20/90		271951783	93A/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11271	Nguyễn Thành	01/01/67		270771071	31/8 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11272	Nguyễn Thanh Hùng	05/30/67			47/10B kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11273	Nguyễn Thành Hưng	06/21/88			54/3 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11274	Nguyễn Thế Hải	09/06/63		272327300	22/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11275	Nguyễn Thị Anh Phương		06/06/89	271887709	63/3 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11276	Nguyễn Thị Bích Liên		10/30/92	272446798	60/4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11277	Nguyễn Thị Cây		07/15/62		39/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11278	Nguyễn Thị Dung		10/16/65		6C/8, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11279	Nguyễn Thị Dung		01/01/62		39/12 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11280	Nguyễn Thị Hoàng Yến		10/22/87		58/5 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11281	523 Nguyễn Thị Hồng Nhung		09/26/99		104/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11282	524 Nguyễn Thị Hồng Nhung		09/22/64		61/16 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11283	525 Nguyễn Thị Hồng Vân		01/01/79	270092120	198/1, kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11284	Nguyễn Thị Huệ		09/20/68		66/4 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11285	Nguyễn Thị Hữu Minh		06/08/60	020502207	203/55/5 tổ 22 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11286	Nguyễn Thị Kim Ngân		02/23/97		Tổ 23 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11287	Nguyễn Thị Kim Phụng	12/12/69			655/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11288	Nguyễn Thị Lệ		01/01/73		39 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11289	Nguyễn Thị Mai		01/01/61		8T, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11290	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/61		tổ 3, kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11291	Nguyễn Thị Mỹ Châu		11/13/61	270535478	tổ 37 kp4A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11292	Nguyễn Thị Mỹ Dung		01/01/78		114/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11293	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		01/01/92		114/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11294	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		01/01/88		114/1 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11295	Nguyễn Thị Ngọc An		04/27/96		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11296	Nguyễn Thị Ngọc Nga		10/13/98		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11297	Nguyễn Thị Như Liên		01/01/87		148/6 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11298	Nguyễn Thị Thanh		11/07/62		tổ 7 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11299	Nguyễn Thị Thanh Hương		01/01/75		47/10/19A KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11300	Nguyễn Thị Thanh Nga		01/01/69		21/4, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11301	Nguyễn Thị Thanh Trang		09/22/85		66Q/4 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11302	Nguyễn Thị Thu Hà		02/19/73		Kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11303	Nguyễn Thị Thùy Trang		01/01/70		143/1 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11304	Nguyễn Thị Trinh		01/01/83		46/11 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11305	Nguyễn Thiên An	07/12/12			39/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11306	Nguyễn Thùy Dung		12/15/93		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11307	Nguyễn Thủy Vy		12/25/03		kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11308	Nguyễn Tiến Dũng	01/01/85			21A/10, KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11309	Nguyễn Tiến Dũng	01/07/78			61/10 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11310	Nguyễn Tiến Hoàng	07/14/67			13/9 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11311	Nguyễn Văn Bình	01/01/76			39/12 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11312	Nguyễn Văn Cảnh	01/01/76		271262183	108/10 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11313	Nguyễn Văn Đình	01/01/83			39/12 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11314	Nguyễn Văn Hạnh	01/01/64			39/12 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11315	Nguyễn Văn Hoàng	01/01/61		270397236	52/8 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11316	Nguyễn Văn Huy	05/09/65			78/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11317	Nguyễn Văn Liên	01/01/65			33/5 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11318	Nguyễn Văn Long	01/01/65		270662743	87/16 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11319	Nguyễn Văn Ngôn	06/17/65			16/5 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11320	Nguyễn Văn Vĩnh	10/30/79			41/10A kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11321	Nguyễn Vĩnh Sang	11/01/80			119/1 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11322	Nguyễn Vũ Anh Tú	04/30/87		271745165	27/45 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11323	Nguyễn Vũ Khôi	01/01/87			64/10 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11324	Phạm Bá Uy	01/01/84			25C/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11325	Phạm Hoàng Yến		08/04/99	272738196	152A/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11326	Phạm Thị Doan Trang		11/25/61	270394858	12/1 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11327	Phạm Thị Huyền		04/17/70	270919615	212 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11328	Phạm Thị Liên		11/15/59		54/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11329	Phạm Trí Quang	01/01/70			62/16 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11330	Phạm Văn Khải	06/30/62		272345840	kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11331	Phan Thị Phương Dung		01/01/69		Tổ 2 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11332	Phí Ngọc Hậu	01/01/74			52/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11333	Quách Thị Lan Phương		01/01/62		87/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11334	Tạ Thị Kim Anh		01/27/98		201A/3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11335	Trần Anh Dũng	01/01/87			89/4 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11336	Trần Đào Nhật Anh	01/29/03			52D/4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11337	Trần Dũng	01/03/63		270995502	tổ 32 kp4A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11338	Trần Hoài Nam	01/01/98			71K/4 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11339	Trần Hồng Ân	12/10/62		270259229	23/3 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11340	Trần Hữu Hoàng	02/08/72		222866900	148/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11341	Trần Lâm Thụy Quyên		07/25/03		66/2 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11342	Trần Minh Phan	05/24/62		270393491	9A/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11343	Trần Minh Tú	09/09/88			24B/3 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11344	Trần Ngọc Diệp	01/01/60			kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11345	Trần Nguyễn Hoàng Quân	02/09/74		271242218	69/10 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11346	Trần Nguyễn Minh Anh		02/20/03		27/7 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11347	Trần Quang Minh	11/13/02			149/6 tổ 11 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11348	Trần Quốc Tuấn	02/10/93			tổ 36 kp4A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11349	Trần Quốc Tuấn	04/02/81			11/1B kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11350	Trần Thị Khuyên		01/01/60		84B/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11351	Trần Thị Lý		11/02/64		190/1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11352	Trần Thị Minh Thảo		10/04/88		108B/3 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11353	Trần Thị Thu Cúc		01/01/62		141/2 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11354	Trần Thiện Toàn	01/01/80			126/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11355	Trần Văn Bình	01/01/66			33/4 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11356	Trần Văn Thắng	01/01/88			21/4 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11357	Trịnh Thị Mai Hương		05/03/73	271076585	36/8 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11358	Trịnh Thị Tuyết Nga		01/01/85		Tổ 17, kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11359	Trương Đình Hiền	02/25/63		270396118	76/2 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11360	Trương Mạnh Hiếu	01/01/60			153/2 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11361	Trương Tấn Phát	01/01/85			114/4 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11362	Trương Thị Ngọc Anh		05/31/00		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11363	Trương Thị Ngọc trang		02/14/82	271751665	126/1 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11364	Trương Thị Nhiều		01/01/70	270903370	tổ 9, kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11365	Trương Trí Vũ	07/08/77		270412069	14/7 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11366	Từ Khắc Quyền	01/01/77			71/3 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11367	Từ Khắc Sinh	01/01/82			71/3 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11368	Từ Thị Hoa		01/01/69		71/3 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11369	Uông Minh Thịnh	01/01/71			61B/5 Kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11370	Võ Văn Khôn	01/01/67		340672708	24/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11371	Vũ Đức Bình	04/10/64			103A/10, KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11372	Vũ Đức Hoài	01/01/02			47/2 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11373	Vũ Đức Tiến	01/01/83			90B/10 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11374	Vũ Khúa	01/01/63			36B/10 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11375	Vũ Lý Kiều Trinh		10/03/03		90A/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11376	Vũ Minh Đức	01/28/90		272036978	55A/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11377	Vũ Minh Nhật	08/29/01			78/10A KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11378	Vũ Ngọc Lân	10/20/87			137/4, kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11379	Vũ Quốc Quân	07/08/73			66/7 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11380	Vũ Thanh Lâm	01/01/61			tổ 8, kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11381	Vũ Thị Hồng Nhung		01/23/67	270704522	123A/3 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11382	Vũ Thị Mai		12/25/59	270412857	4/15 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11383	Vũ Thị Tâm		12/03/68		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11384	Vũ Thị Thanh Tâm		02/25/92		47/10/20 tổ 4 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11385	Vũ Thị Thuý Mai		01/12/02		66/6 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11386	Vũ Thị Thuý Vân		03/29/92		20/16 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11387	Vũ Thị Xuyến		01/16/00		30/4 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11388	Vũ Tiến Vinh	01/01/81			KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11389	Vũ Văn Lý	06/14/62		271073009	32/3 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
11390	Bùi Đại Thành	01/01/56		370172427	tổ 31 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11391	Bùi Đăng Ngọc	01/01/45		270379959	108/2 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11392	Bùi Quốc Trường	01/01/59			201/1C KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11393	Bùi Thị Bái		01/01/17	270242705	15/3, KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11394	Bùi Thị Ngà		01/01/32		89/5 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11395	Bùi Thị Thắm		01/01/53		7/5 KP10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11396	Bùi Văn Tò	02/17/34			80/4 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	
11397	Cao Thị Man		01/01/20	270228387	tổ 10, KP11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11398	Cao Thị Nhãn		02/22/52	272089600	202/33 tổ 35 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11399	Cao Thị Thời Sự		04/20/54	270412767	6C/6 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11400	Cao Văn Chung	07/06/45			105/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11401	Châu Văn Tâm	01/01/46		270388763	220A/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11402	Đàm Đình Hân	03/05/42		270412533	4/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11403	Đặng Đình Sử	01/01/41		270434822	1H7 tổ 28 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11404	Đặng Thị Lý		01/01/36	271712815	105/3, KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11405	Đặng Thị Xuân		01/01/59		12A/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11406	Đào Văn Theo	01/01/50			123/2 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11407	Đinh Duy Thập	09/02/56			kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11408	Đinh Sùng	01/01/31		270116307	247/35/9 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11409	Đinh Thị Duyên		10/15/44	270395601	51/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11410	Đinh Thị Lầu		07/07/45	270379168	37/4 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11411	Đinh Thị Quỳnh		06/03/19		85 KP11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11412	Đỗ Như	01/01/27			3/3 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11413	Đỗ Thị Ân		01/01/40	270157257	76/3 tổ 7 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11414	Đỗ Thị Chất		10/05/31		63/2. kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11415	Đỗ Thị Cồn		01/01/30	270029515	tổ 1, kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11416	Đỗ Thị Đơn		01/01/37	270394098	102/2 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11417	Đỗ Thị Hai		11/14/34	270394811	10/4 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11418	Đỗ Thị Hoa		05/06/25	270379773	130/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11419	Đỗ Thị Mơ		12/01/28		101/2, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11420	Đỗ Tiến Vê	01/01/55			49/3 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11421	Đỗ Tiến Vui	01/01/59			211/3, KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11422	Đỗ Văn Bằng	01/01/59		270413300	206/3 tổ 10 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11423	Đỗ Văn Tam	01/01/58			103/2A KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11424	Đỗ Văn Xoan	01/01/35			102/2 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11425	Đoàn Thị Hiền		01/01/30	270122038	tổ 2, kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11426	Hà Đăng Xứng	01/01/49			91/10/42 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11427	Hà Thị Truật		01/01/31		86/1, kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11428	Hồ Văn Đáng	01/01/36			104K/10 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11429	Hoàng Thị Chi		03/28/46		77/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11430	Hoàng Thị Men		01/01/42	272153374	88/6 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11431	Hoàng Văn Khải	01/01/43			110/2 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11432	Lã Thị Tim		09/20/47	270393621	79/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11433	Lê Đình Dịp	01/01/56		271940017	tổ 1 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11434	Lê Thị Kim Liên		01/01/43	270414011	51 kp11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11435	677 Lê Thị Liên		02/01/38		119/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11436	678 Lê Văn Kiêm	11/25/46		270415946	77B/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11437	679 Lương Thị Sa	01/01/35		270414117	90 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11438	680 Lương Thị Sáng		01/01/29		tổ 8 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11439	681 Lưu Thị Nhân		01/11/33	270063279	105/10, kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11440	682 Mai Ngọc Hoan	01/01/56			7B/4 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11441	683 Mai Văn Dương	01/01/58		270379378	63/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11442	684 Mai Văn Nguyên	01/01/49		272645909	55/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11443	685 Ngô Thị Lý		01/01/32		44A Kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11444	686 Ngô Thị Mến		01/01/30		Tân Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11445	687 Ngô Thị Nghiêm		01/01/32		44/2 KP11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11446	688 Ngô Thị Thúy Vân		01/01/53		1/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11447	689 Nguyễn Ánh Mai		01/01/51	270374605	10/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11448	690 Nguyễn Bà Nhựt	05/27/54		271142004	15/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11449	691 Nguyễn Cảnh	01/01/33			tổ 2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11450	692 Nguyễn Đình Dể	01/01/34			34/2, kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11451	693 Nguyễn Đức Hương	10/28/57			10/4B kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11452	694 Nguyễn Duy	01/12/58		270412307	69A/4 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11453	695 Nguyễn Duy Sơn	08/07/38		272155378	88/6, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11454	696 Nguyễn Khắc An	01/01/30		270068829	85/3 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11455	697 Nguyễn Ngọc Điện	01/01/37		271474282	tổ 10 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11456	698 Nguyễn Ngọc Lan		01/01/44		59/4 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11457	699 Nguyễn Nhân	01/01/31		270089699	16/9, kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11458	700 Nguyễn Quang Thê	12/09/56		270067633	184P/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11459	701 Nguyễn Thị Ai		05/10/48	270397271	110/38/25/8/31 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11460	702 Nguyễn Thị An		01/01/36	280232923	tổ 6 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11461	703 Nguyễn Thị Áp		10/01/30		82/1, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11462	704 Nguyễn Thị Bích Thảo		10/20/41		tổ 8 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11463	705 Nguyễn Thị Cầu		01/01/30		205/3 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11464	706 Nguyễn Thị Châm		10/24/30	270094542	tổ 12, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11465	707 Nguyễn Thị Chung		01/01/39	270388446	2/5 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11466	708 Nguyễn Thị Cúc		01/01/28		111B/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11467	Nguyễn Thị Đào		01/01/54	270377824	173A/2 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11468	Nguyễn Thị Hương		01/01/49		44/10 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11469	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/46	272446901	6/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11470	Nguyễn Thị Hào		07/10/47		18/3 kp11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11471	Nguyễn Thị Hoa		09/12/52	270279413	59D/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11472	Nguyễn Thị Hoa		01/01/35		76/2 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11473	Nguyễn Thị Hòa		01/01/39		53/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11474	Nguyễn Thị Hoan		01/12/36		17/9 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11475	Nguyễn Thị Hoi		01/01/35	270394054	23/3 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11476	Nguyễn Thị Huệ		04/05/30		89/10, kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11477	Nguyễn Thị Khả		01/01/41	270412042	13/14 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11478	Nguyễn Thị Khán		01/01/31		tổ 12, kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11479	Nguyễn Thị Khoái		01/01/33		82/6 KP4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11480	Nguyễn Thị Khuyên		01/01/38		14Q/6 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11481	Nguyễn Thị Kim Thanh		05/10/43	270412526	52/14 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11482	Nguyễn Thị Lâu		09/13/30		3/6 KP4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11483	Nguyễn Thị Liễu		05/26/54	270326442	kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11484	Nguyễn Thị Liễu		01/01/33	270533804	Tổ 11 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11485	Nguyễn Thị Linh		09/08/54		21/1 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11486	Nguyễn Thị Loan		01/01/35	280338175	7/6 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11487	Nguyễn Thị Lụa		01/01/42	270397613	11/9 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11488	Nguyễn Thị Mầu		01/01/32		20/2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11489	Nguyễn Thị Mậu		01/01/37	272437594	KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11490	Nguyễn Thị Mến		12/12/51		kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11491	Nguyễn Thị Mến		02/07/41	271140175	20/12 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11492	Nguyễn Thị Na		01/01/32		71/3 Kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11493	Nguyễn Thị Na		01/11/16		31/2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11494	Nguyễn Thị Nam		06/10/50	270057317	17/6 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11495	Nguyễn Thị Ngân		01/01/34	270412811	42/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11496	Nguyễn Thị Nghiễm		01/01/48		5/7 KP10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11497	Nguyễn Thị Nhã		01/01/31	270396968	8/5, kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11498	Nguyễn Thị Nhật		01/01/47	272049577	133/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11499	Nguyễn Thị Nhón		01/01/24	270135149	102/1 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11500	742 Nguyễn Thị Nhuận		12/02/58	270405429	107/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11501	743 Nguyễn Thị Oanh		10/20/47	270394032	110/1 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11502	744 Nguyễn Thị Phương		01/01/45		tổ 32 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11503	745 Nguyễn Thị Rựu		01/01/42	270379986	96/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11504	746 Nguyễn Thị Sa		01/01/29		145A/3, kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11505	747 Nguyễn Thị Sang		08/31/39	270379561	82/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11506	748 Nguyễn Thị Tâm		01/01/58	272193734	172/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11507	749 Nguyễn Thị Tè		10/04/40	270377759	128/1 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11508	750 Nguyễn Thị Thái		01/01/24	270412233	40/14 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11509	751 Nguyễn Thị Thật		06/02/26	270031933	tổ 2, kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11510	752 Nguyễn Thị Thu		01/01/47	270329549	90/10/34 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11511	753 Nguyễn Thị Thu Mai		07/04/58	270388030	156/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11512	754 Nguyễn Thị Tình		01/01/34		110/4/4 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11513	755 Nguyễn Thị To		12/19/58		75/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11514	756 Nguyễn Thị Triệu		01/01/53		48H/7 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11515	757 Nguyễn Thị Trinh		08/06/45	270397781	60/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11516	758 Nguyễn Thị Tuy		11/15/55		54/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11517	759 Nguyễn Thị Tuyền		01/01/57		tổ 31 kp4a	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11518	760 Nguyễn Thị Tuyết Nga		07/27/58		73/1 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11519	761 Nguyễn Thị Vưu		01/01/27	270244660	142/2, kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11520	762 Nguyễn Thị Vuông		03/07/33	270395630	31A/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11521	763 Nguyễn Thị Xa		01/01/46		tổ 32 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11522	764 Nguyễn Trọng Vọng	01/01/22			tổ 10 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11523	765 Nguyễn Văn Điền	05/20/44			14/12 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11524	766 Nguyễn Văn Được	04/08/50		270412536	14/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11525	767 Nguyễn Văn Mậu	01/01/57			78/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11526	768 Nguyễn Văn Nham	01/01/53			119/1 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11527	769 Nguyễn Văn Phương	01/01/37		272271331	11A/7 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11528	770 Nguyễn Văn Ruyết	08/13/44		271000832 _{acc}	128/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11529	771 Nguyễn Văn Tác	10/21/57			54/4 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11530	772 Nguyễn Văn Thất		10/13/57	270379693	110/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11531	773 Nguyễn Văn Thiêm	01/01/43			58/4 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11532	774 Nguyễn Văn Thông	01/01/33			tổ 2, kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11533	775 Nguyễn Văn Triệu	02/20/52		270436796	202/85/47/77 kp4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11534	776 Nguyễn Văn Từ	01/01/48			16/12 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11535	777 Nguyễn Văn Tụng	01/01/28		270094945	30/3, kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11536	778 Nguyễn Xuân Thủy	08/19/48			94/2 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11537	779 Phạm Bá Tăng	01/01/36			45/2 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11538	780 Phạm Quang Trung	01/01/32			106 E/2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11539	781 Phạm Thị Bất		01/01/27		99/2, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11540	782 Phạm Thị Chè		03/28/30		111/2, kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11541	783 Phạm Thị Đạt		01/01/35	270412781	33/16 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11542	784 Phạm Thị Lan		03/05/37	270329255	73D/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11543	785 Phạm Thị Lê		10/10/37	270395437	4/3 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11544	786 Phạm Thị Na		01/01/46		82/1 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11545	787 Phạm Thị Thái		01/01/32	270108062	120/2 KP6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11546	788 Phạm Thị Thơm		01/01/31		51/3, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11547	789 Phạm Thị Tích		01/01/25		40/4 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11548	790 Phạm Thị Tình		01/01/58		1/2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11549	791 Phạm Văn Thoát	01/01/52			72/2, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11550	792 Phạm Viết Đình	01/01/41			47/10, kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11551	793 Phan Thị Duyên		01/01/27		35/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11552	794 Phan Thị Kệ		01/01/54	270951835	22A/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11553	795 Phan Trí Dũng	04/01/59		271306739	111/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11554	796 Phan Văn Ba	09/09/32		270102291	109/4 kp11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11555	797 Tạ Văn Thắng	01/01/37			18/5 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11556	798 Trần Quang Hùng	01/01/45		130335585	Tổ 36 KP4A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11557	799 Trần Thị Côi		01/01/29		23/1, kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11558	800 Trần Thị Hiền		01/01/30		Tổ 6 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11559	801 Trần Thị Lại		01/01/38		93/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11560	802 Trần Thị Mít		01/01/48		111/4 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11561	803 Trần Thị Mừng		01/01/42	270396152	145A/2 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11562	804 Trần Thị Phượng		01/01/21		105/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11563	805 Trần Thị Sáo		01/01/37		92/1 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11564	806 Trần Thị Thanh		07/10/58	270394452	26/10 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11565	807	Trần Thị Thục		07/15/38		NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11566	808	Trần Thị Tình		01/01/54	108/1 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11567	809	Trần Thị Tuyết Hải		08/04/54	20/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11568	810	Trần Thị Yến		01/01/35	270085980	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11569	811	Trần Văn Cấp	01/01/31		270374913	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11570	812	Trần Văn Dương	01/01/48		170394914	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11571	813	Trần Văn Hoir	01/01/36		270393699	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11572	814	Trình Ngọc Linh Phong	01/01/54		271200113	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11573	815	Trình Thị Bạch Nga		12/25/58	15/7 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11574	816	Trình Thị Chúc		01/01/36	104D/5 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11575	817	Trình Thị Đã		01/01/31	tổ 2, kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11576	818	Trình Thị Lão		01/01/22	22/10 KP10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11577	819	Trình Thị Nghi		10/27/57	21/7 tổ 3 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11578	820	Trình Thị Ngọc Diệp		03/27/58	21/9 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11579	821	Trình Thị Nụ		01/01/33	15/72 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11580	822	Trình Thị Sen		01/01/35	45/7, kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11581	823	Trình Văn Ngọc	01/01/43		270396952	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11582	824	Trương Thị Nhung		02/15/44	30/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11583	825	Võ Thị Bé		01/01/50	18/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11584	826	Vũ Hoàng	01/10/41		270397695	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11585	827	Vũ Nam	06/21/57		78/1 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11586	828	Vũ Thị Bé		01/01/37	KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11587	829	Vũ Thị Biên		01/01/59	7A/9 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11588	830	Vũ Thị Chinh		01/01/44	57/4 tổ 6 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11589	831	Vũ Thị Diên		01/01/25	30/8 KP10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11590	832	Vũ Thị Diệu		01/01/34	78A/2 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11591	833	Vũ Thị Đông		01/01/33	60/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11592	834	Vũ Thị Hạnh		11/04/53	29/11 KP9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11593	835	Vũ Thị Khuyên		01/01/38	36/2 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11594	836	Vũ Thị Minh Châu		05/27/58	24/6 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11595	837	Vũ Thị Năm		01/01/33	60A/5 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11596	838	Vũ Thị Nghĩa		01/01/22	52/4 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11597	839	Vũ Thị Ngọc		01/01/58	83/4 kp11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11598	Vũ Thị Phan		01/01/45	270562874	17B/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11599	Vũ Thị Quang		10/18/56		66/7 kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11600	Vũ Thị Sáng		01/01/24		85/4 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11601	Vũ Thị Thư		01/01/34	270711028	165/35 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11602	Vũ Thị Tiến		01/01/51		1/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11603	Vũ Thị Trịnh		07/15/54	270397649	23/6 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11604	Vũ Thị Tuyên		01/01/33	270033989	50/1 Kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11605	Vũ Thị Tý		01/01/35		109/2 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11606	Vũ Thị Ủy		10/26/34	270396539	18/4 kp11	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11607	Vũ Thị Xoan		01/01/22		25/3, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11608	Vũ Thiện	10/10/48		270393246	92/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11609	Vũ Văn Lai	11/16/57		272151713	73A/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11610	Vũ Văn Thắng	10/20/48		270420332	53/1 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11611	Vũ Việt Suyền	01/01/56		270427221	61A/3 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11612	Vũ Xuân Nhỏ	05/05/54			tổ 6, kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
11613	Bùi Như Ý		10/09/13		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11614	Bùi Tuấn Kiệt	11/15/09			7A/9 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11615	Đào Ngọc Tú Quyên		10/29/05		73/5 KP10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11616	Đinh Thị Diệp		11/29/11		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11617	Đỗ Trọng Hiếu	10/14/08			84/2 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11618	Dương Thị Thùy Linh		05/19/08		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11619	Giang Lê Ngọc Hân		05/16/06		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11620	Giang Phong Hào	01/01/05			112D/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11621	Hà Kiều Vĩ		05/24/08		118/2 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11622	Kim Vinh Khang	09/18/12			tổ 11 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11623	Lê Hoàng Phúc	09/12/04			189A/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11624	Lê Thành Công	10/06/11			137/44 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11625	Lê Uyên Phương		04/11/11		89/2 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11626	Mai Bảo Như		07/23/16		36/2A kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11627	Mai Hoàng Thiên An		01/29/12		124/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11628	Nguyễn Gia Khang	02/18/14			71/6 kp4A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11629	Nguyễn Hoàng An Phước	02/15/09			tổ 33 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
11630	872 Nguyễn Hoàng Mai Thy		09/28/11		107/1A KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11631	873 Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	10/12/10			68/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11632	874 Nguyễn Lê Hoàng Long	01/22/06			90/10L/42	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11633	875 Nguyễn Mạnh Cường	01/05/17			tổ 8 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11634	876 Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	01/01/08			19A/5 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11635	877 Nguyễn Ngọc Kim Phụng		01/02/11	272150206	47/10/31 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11636	878 Nguyễn Ngọc Phương Anh		09/22/18		17A/3 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11637	879 Nguyễn Ngọc Thảo Nguyễn		09/19/11		234/2/10 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11638	880 Nguyễn Ngọc Thùy Anh		09/19/13		24A/4 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11639	881 Nguyễn Phan Trung Nghĩa	10/17/05			62L/4 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11640	882 Nguyễn Thị Nhung		05/20/05		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11641	883 Phạm Ngọc Kiều My		06/23/16		116/1 kp7	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11642	884 Phạm Thanh Mai		11/17/15		104E/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11643	885 Phạm Thế Duy	10/09/06			37/11 KP9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11644	886 Phạm Thị Kiều Canh		03/07/18		kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11645	887 Phạm Thị Mỹ Linh		01/01/04		184N/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11646	888 Phạm Vũ Thiên An	08/24/13			26/11 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11647	889 Phùng Thị Mỹ Uyên		01/01/07		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11648	890 Trần Anh Thu		03/26/10		149/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11649	891 Trần Duy Khang	07/07/09			109/8 kp4A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11650	892 Trần Hoài Khánh Ly		09/21/04		Tổ 11 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11651	893 Trần Ngọc Khánh An		10/04/09		62B/5 kp10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11652	894 Trần Ngọc Yến Nhi		01/12/08		Tổ 37 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11653	895 Trần Quốc Bảo	04/03/14			101A/10 kp9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11654	Triệu Kim Thơ		01/01/10		40/5 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11655	Trương Quỳnh Như		09/19/09		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11656	Vĩ Thanh Thùy		01/12/11		88/5 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11657	Vũ Minh Quân	11/02/12			158D/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11658	Vũ Ngọc Thiên An	09/06/13			200/1 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11659	Vũ Nguyễn Thùy Trang		11/12/06		9C/4 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
11660	Bùi Duy Đoàn	11/30/63			97D/4 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11661	Bùi Minh Tuấn	10/18/03			69a/3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11662	Bùi Như Ánh		01/01/61		97/6 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11663	Bùi Như Hình	01/01/68			23D/4 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11664	Bùi Như Thạch	01/01/84			97/6 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11665	Bùi Văn Huân	09/27/83		272330675	121C/4 kp11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11666	Cao Đức Tiến	01/01/65			59 KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11667	Cao Văn Mến	01/01/95		272616239	60/7 kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11668	Chu Văn Đại	01/01/63		270662606	82/3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11669	Đàm Như Quỳnh		07/06/03		106C/2 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11670	Đàm Văn Tuyên	12/20/71		271231520	181/3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11671	Đặng Minh Tuấn	05/08/64		270177413	21/3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11672	Đào Duy Kha	04/16/82		270091273	103/A3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11673	Đào Thanh Tuấn	11/13/84		271569909	47/10/53 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11674	Đào Thị Phương Linh		09/09/90		47/10/53 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11675	Đinh Cao Thắng	01/01/77		271498155	133A/5 tổ 23 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11676	Đinh Nguyễn Phương Trang		06/10/85		184D/1, kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11677	Đinh Quang Thành	04/23/80		271437606	100/2 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11678	Đinh Quang Tuyên	01/01/88			126/3 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11679	Đinh Thị Thu Thảo		10/26/86	271745146	50A/2 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11680	Đinh Văn Hoàng Ngọc Anh	02/20/86			36F/3 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11681	Đỗ Bùi Quốc Thuận	05/23/68		270771084	346/94 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11682	Đỗ Công An	08/30/67		270746492	290/11 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11683	Đỗ Công Nhiên	01/01/72		271501999	tổ 3 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11684	Đỗ Thị Ngọc Oanh		11/14/63	270374865	142/1 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11685	Đỗ Thị Thanh Xuân		04/20/70		105/1 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11686	Đỗ Thị Vân		03/05/88	163021981	tổ 36 kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11687	Đỗ Thuý Quỳnh Uyên		01/01/81		118/5 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11688	Đỗ Văn Hải	04/01/61		270379926	53/1 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11689	Đỗ Văn Hùng	01/09/62		270643003	65/6. KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11690	Đỗ Văn Huy	01/01/66			128/17 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11691	Đỗ Văn Thực	01/01/68		270795694	14/8 tổ 37 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11692	Đỗ Văn Trường	01/01/76			tổ 39 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11693	Đỗ Xuân Nghĩa	01/01/98			26/8 tổ 39 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11694	Đoàn Văn Ngọc	01/01/77		272036190	47/10/19A kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11695	Dương Ngọc Gấm		01/01/72		21/11 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11696	Hà Thị Ngọc Tâm		01/01/94		91/10/42 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11697	Hà Văn Lộc	01/01/78		271645185	tổ 6 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11698	Hoàng Cao Long	10/29/00			62B/4 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11699	Hoàng Mạnh Trường	01/01/73			69A/5 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11700	Hoàng Mỹ Linh		09/14/71		7/4 Kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11701	Hoàng Thị Thanh		01/01/69		78A/2 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11702	Hoàng Thị Thúy Hồng		04/19/74	271247147	53A/5 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11703	Khổng Minh Thông	02/20/75		271262664	56/1 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11704	Lê Quang Huy	01/01/62			66/1 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11705	Lê Thị Mỹ Tiên		08/25/97		148/3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11706	Lê Thị Thanh Thúy		01/01/69		109/6 tổ 27 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11707	Lê Văn Thùy	09/02/64			Tổ 35 kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11708	Lưu Ngọc Y	05/01/61		271282278	82/3 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11709	Ngô Thanh Vương	01/01/67		270716798	63 kp11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11710	Ngô Thị Kiều Anh		01/01/62		69 KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11711	Ngô Thị Lê Sương		01/01/79	271288120	61C/5 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11712	Ngô Thị Mỹ Nhung		01/01/80		88/5 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11713	Ngô Thị Ngọc Diễm		01/01/78		120 kp11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11714	Ngô Thị Thu Hồng		01/01/75		49 KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11715	Nguyễn Cao Hách	09/02/70		270914076	53B/4 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
11716	Nguyễn Cường	07/18/65		270662185	40B/10 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11717	Nguyễn Đình Huy	02/03/78		271380553	33/2 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11718	Nguyễn Đình Khôi	09/30/61		270397888	129A/10 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11719	Nguyễn Đình Tâm	11/20/61		272011968	tổ 10 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11720	Nguyễn Đức Hiền	01/01/88			kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11721	Nguyễn Đức Thắng	01/01/82		271451885	57/25, kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11722	Nguyễn Duy Hiếu	06/21/84			49/5 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11723	Nguyễn Duy Phương	01/01/83			39/4 Kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11724	Nguyễn Hoàng Dũng	07/18/69		270794330	92/17/6/4 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11725	Nguyễn Hữu Quý	01/01/78			210/3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11726	Nguyễn Hữu Toàn	01/01/61			37A/10 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11727	Nguyễn Huỳnh	03/03/69		270794447	61/10 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11728	Nguyễn Mạnh Quang	11/23/96		272598302	102/4 kp11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11729	Nguyễn Minh Sang	01/01/89			38/3 KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11730	Nguyễn Minh Tiến	04/08/74		272448230	17D/6, tổ 35, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11731	Nguyễn Ngọc Dũng	01/01/62			86A/1 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11732	Nguyễn Phan Anh Duy	10/08/03			138A/2 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11733	Nguyễn Quang Trung	01/01/68			152/1, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11734	Nguyễn Quốc Vương	01/01/84			72 KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11735	Nguyễn Tấn Cường	03/10/02			kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11736	Nguyễn Thái Vinh	01/01/69			24/10 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11737	Nguyễn Thành Trí	10/30/87			119/1 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11738	Nguyễn Thị Bảo		09/18/74		Tổ 30 KP4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11739	Nguyễn Thị Đào		01/01/71		16/5 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11740	Nguyễn Thị Hoa		01/01/68		104/3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11741	Nguyễn Thị Hồng		01/01/85		105E/2 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11742	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		01/01/86		53C/4 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11743	Nguyễn Thị Kim Khuyên		01/01/90	271959915	21/6, kp4A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
11744	Nguyễn Thị Kim Phụng		01/01/67		87/16 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	